

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM NGHĨA SỚ CHÚ

QUYỂN 2

(Phần 1)

Hai lần y theo phá điền đảo dần dần nói về cái thấy chân chánh, có hai ý:

1. Lại đối với vua Ba-tư-nặc mà phá chấp đoạn của vua, có hai ý:

1. Thuật lại A-nan mong được giải thích chân vọng.

Bấy giờ, A-nan và đại chúng nghe Phật chỉ dạy thân tâm vui mừng, nghĩ rằng từ vô thủy đến nay mất đi bốn tâm, vọng nhận bóng dáng phân biệt duyên trần. Ngày nay mới khai ngộ, như con khát sữa được gặp mẹ hiền, ngộ biết tâm duyên trần là bóng dáng. Lại biết được cái thấy đối cảnh là bất động, nghĩ lại hồi nào đến giờ theo vọng mà mất chân, trôi giạt đã sâu, hôn mê khó hiểu may thay gặp cơ hội lành này, gặp lúc tốt này, sữa pháp đã thấm nhuần, như con gặp mẹ, không vui sao?

Chấp tay lễ Phật, mong được nghe Như Lai, hiển rõ thân tâm đáng chân vọng hư thật, hiện tiền sinh diệt và không sinh diệt.

2. Phát minh tánh:

Vấn trước quở trách đó không phải là tâm ông, vì khiến cho biết vọng. Vấn chỉ ra các pháp do tâm biến hiện. Điều này làm cho liễu ngộ vọng hiện, vốn không có tự tánh, vốn là nhất chân, nhất chân không hề lay động, các pháp không hề sinh diệt. Ý Phật muốn làm cho ngay vọng mà thấy được chân, bèn ấn khả cái thấy đối cảnh xưa nay bất động. Rộng trách cho vật là mình, tâm tánh mất chân.

A-nan không lường được ý sâu xa của Phật. Cho là hai thể chân vọng hoàn toàn ở ngoài sinh diệt có cái không sinh diệt. Nếu thế thì nói duy tâm là luống dối. Nói pháp vọng là luống bày, chạy theo lời nói mà quên yếu chỉ, đều thành điền đảo. Tuy hoài nghi nhưng nghĩ mà chưa dám nói, cho nên chỉ chấp tay lễ Phật muốn nghe.

2. Nói vua Ba-tư-nặc dẫn việc ngoại đạo thỉnh chứng bất sinh, có bốn ý:

1. Dẫn việc ngoại đạo trình bày nghi.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc đứng dậy bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Lúc trước con chưa thọ giáo với Phật, thấy Ca-chiên-diên-tỳ-la-chi-tử đều cho rằng thân này khi chết rồi thì đoạn diệt, gọi là Niết-bàn.

Ca-chiên-diên là họ, tên là Ca-la-cưu-đà. Ngoại đạo này chấp tất cả pháp vừa có vừa không, San-xà-dạ là tên, Tỳ-la-Chi là tên mẹ, ngoại đạo này khởi cái thấy tự nhiên, bên ngoài phần nhiều không lìa hai kiến chấp đoạn thường, hai chấp này đều là loại chấp đoạn, cho nên nói đều nói đoạn diệt. Người đời nay chấp dị không biết tướng nghiệp chủng sinh, vọng cho rằng sau khi chết tức là Niết-bàn.

Con tuy gặp Phật, nay còn hồ nghi, vì sao nói phát huy chứng biết tâm này không sinh diệt.

Nay trong đại chúng này các vị hữu lậu đều muốn nghe, tánh hồ đa nghi, hễ gặp chỗ có băng nghe nước không tiếng thì mới đi. Xưa con nghe phái ngoại đạo nói sau khi chết là đoạn diệt, nay lại nghe nói bất sinh bất diệt, vậy ai đúng ai sai? còn do dự không quyết định, cho nên nói hồ nghi. Vua Ba-tư-nặc rất hiểu điều hoài nghi của A-nan, biết ngoài cái sinh diệt tìm cái bất sinh diệt. Tâm tuy thâm tỉnh mà miệng không nói ra, cho nên dẫn tông ngoại đạo mong Phật chỉ bày, gần thì phá chấp đoạn của ngoại đạo, làm cho biết sau khi chết còn tiếp tục sống, dẫn điều A-nan ngộ chân không, lìa vọng thức sinh diệt, cho nên nói chứng biết tâm này không sinh diệt.

2. Thuật lại thân đối đời có bốn ý:

a) Hỏi đáp thân thường hay vô thường:

Phật bảo: Nay Đại Vương! Thân ông hiện tại, nay lại hỏi ông, nhục thân của ông đây là đồng với Kim Cương thường trụ không hư mục hay thay đổi hư hoại?

Bạch Đức Thế tôn! nay thân con đây đều theo sự thay đổi, hoại diệt.

Phật nêu lời hỏi này muốn nói trong cái sinh diệt có cái không sinh diệt. Như trước nói đầu tự lay động mà cái thấy không lay động (tám trăm bốn mươi bốn).

b) Hỏi đáp về chưa diệt mà biết diệt

Phật bảo! Nay Đại Vương! Ông chưa hề diệt, tại sao biết sẽ diệt?

Bạch Đức Thế tôn! Thân vô thường thay đổi hư hoại của con đây tuy chưa hề diệt nhưng con quán hiện tiền niệm niệm đổi thay không dừng. Như lửa thành tro, dần dần tiêu mất không còn. Nên con biết chắc thân này sẽ diệt tận, niệm trước diệt, niệm sau sinh, sát-na thay đổi, như

lửa đốt củi chắc chắn bị tiêu diệt.

Luận Câu Xá nói: Cho các cõi là pháp, vì sát-na tận.

c) Hỏi đáp khi già trẻ dung mạo thay đổi thế nào?

Phật nói đúng vậy! Nay Đại Vương! tuổi của Đại Vương đã suy già, tướng mạo đâu còn giống như lúc trẻ: vua nói về vô thường niệm niệm đổi dời, lý ấy phải như vậy. Cho nên, Đức Phật ẩn khả đúng vậy muốn trình bày tướng trạng đổi dời, so sánh tướng già trẻ để hỏi. Mười lăm tuổi gọi là trẻ, chưa đội mũ là tuổi trẻ, xưa lúc còn nhỏ da dẻ mịn màng, đến tuổi trưởng thành khí huyết đầy đủ mà nay tuổi già, đến phải suy già, hình sắc tiêu tụy, tinh thần hôn mê, tóc bạc mặt nhăn e không còn sống bao lâu nữa, làm sao sánh với lúc còn tuổi trẻ khỏe mạnh.

Mới sinh gọi là Hải, mới biết đi gọi là nhu, ý nói yếu mềm.

Phu: Là đôi môi hiện ra ở ngoài da, thớ da đẹp đẽ gọi là thấu. Đây là tướng lúc còn non trẻ, cho nên nói khí huyết sung mãn, tuổi già là nay sáu mươi hai tuổi.

Tuổi già gần bảy mươi gọi là suy mạo, già trẻ khác nhau, vì sao Thế tôn so sánh như thế?

d) Hỏi đáp năm tháng qua đi nhanh chậm:

Phật bảo: Nay Đại Vương! hình dung của ông không hoại diệt trước, là nói về sự thay đổi của tướng. Nay hỏi từng năm biến hoại, do từng năm biến hoại làm cho hình tướng biến hoại theo, không biến hoại ngay, mà phải già dần, niệm niệm đổi dời.

Vua đáp: Bạch Đức Thế tôn, sự biến hóa âm thầm đổi dời ấy con thật không biết, lạnh nóng đổi dời dần dần như thế, vì sao? Vì con lúc mười hai tuổi tuy gọi là niên thiếu nhưng dung mạo đã già hơn lúc mới mười tuổi, so với ba mươi tuổi lại già hơn hai mươi tuổi. Nay sáu mươi hai tuổi nhìn lại lúc năm mươi tuổi thì rõ ràng lúc năm mươi tuổi mạnh khỏe hơn.

Bạch Đức Thế tôn con thấy sự âm thầm dời đổi, tuy chết lúc ấy đổi dời lại hạn mười năm, mười năm là giới hạn, mà quán tướng thô.

Tô là đi, lạc là không dừng. Thiếu niên không dừng không đi mà không dời đổi, cho nên nói là chết, lưu là biến, đi là đổi.

Nếu lại khiến cho con suy nghĩ kỹ hơn thì sự biến hoại ấy đâu chỉ một kỷ, hai kỷ, mà thật ra là biến đổi hằng năm.

Ở đây lấy một năm làm hạn, thay đổi từng năm, đâu phải đến mười năm, mười hai năm là một kỷ.

Đâu phải chỉ biến đổi từng năm mà cũng biến đổi từng tháng: ở đây lấy một tháng làm hạn kỳ, hằng tháng khác nhau, không chỉ theo

từng năm.

Đâu chỉ thay đổi từng tháng mà còn thay đổi từng ngày: đâu chỉ giống như chẳng những, ở đây lấy một ngày làm kỳ hạn, lại thay đổi hằng ngày, đâu chỉ y theo tháng. Trên đây từ rộng đến hẹp, bốn hạn cục quán sát về tướng vô thường, vẫn còn là thô phù chưa nhỏ nhiệm.

Trầm tư quán kỹ, trong khoảng sát-na niệm niệm không dừng, nên biết thân ta đều theo biến diệt, đây là quán rất nhỏ nhiệm. Nếu trầm tĩnh suy nghĩ quán sát cho kỹ thì sát-na không dừng, niệm niệm chuyển biến, bốn tướng nhỏ nhiệm này chuyển biến không dừng. Kẻ phạm phu tâm thô, thật không hay biết. Kệ của người xưa nói: Như bỏ một sợi lông vào lòng bàn tay thì không hay biết, nếu bỏ vào mắt thì có hại, rất bất an: Người ngu như bàn tay, không biết hành khổ thay đổi. Người trí như mắt, rất sinh nhàm chán.

Nói Sát-na: là thời gian rất ngắn.

Luận Câu-xá nói: thời gian rất ngắn gọi là Sát-na, thời gian rất dài gọi là Kiếp, cho đến năm và tháng đều là sự phân chia thời gian.

Lại nói một trăm hai mươi Sát-na là một Đát-sát-na, sáu mươi đát-sát-na là một Lạp-phước, ba mươi Lạp-phước là một tu-du, ba mươi tu-du là một ngày đêm, ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm, mười hai năm là một kỷ. Trước đó y theo mười năm làm giới hạn, là y theo một kỷ để nêu toàn số.

3. Khai thị tánh bất diệt, có ba ý:

a) Phật hỏi về tánh bất diệt, vua đáp không biết. Phật bảo này Đại Vương! Ông thấy sự biến hóa đổi dời không dừng mà ngộ được ông cũng diệt, cũng ngay khi diệt ông biết trong thân ông có cái không diệt chứ?

Vua Ba-tư-nặc chấp tay bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Con thật không biết.

Tướng thô sinh diệt như ở trước mặt có thể biết, tánh bất sinh diệt cũng ở ngay trong thân ông, ông có biết không? Vua Ba-tư-nặc nêu bên ngoài để nói lên điều nghi, đều muốn Thế tôn chỉ rõ. Nay được Phật hỏi cho nên đáp không biết.

b) Hứa chỉ bày cái bất sinh, nói rộng về cái không đổi dời.

Dưới đây y theo vua từ nhỏ đến lớn thấy sông Hằng không thay đổi, để nói về tánh bất sinh. Ý nói chỉ ở cái sinh diệt mà hiểu rõ cái không sinh diệt.

Tướng tuy thô gần nhưng yếu chỉ sâu xa nhỏ nhiệm. Một là làm cho vua Ba-tư-nặc nghiệm tướng thô mà ngộ về xả thân, thọ thân. Hai

là làm cho A-nan phát sinh sự hiểu sâu và biết ngay nơi cái diệt vốn bất diệt, ngay nơi tướng mà hiển bày tánh, đây là lời sâu kín. Đầu tự dao động mà cái thấy không dao động là ý này.

Kinh Duy-ma nói: Như quán tướng thật của thân mình, quán Phật cũng vậy.

Ngài Tăng Triệu cho muôn vật là không đổi dời, chẳng phải chỉ có cái thấy. Văn dưới Phật đáp ngài Văn-thù và hội ba khoa văn, hiển bày rõ ràng, mới nói lên được ý này, văn có hai ý.

c) Hứa chỉ bày Vô sinh.

Phật nói: Bây giờ ta chỉ bày cho ông về tánh bất sinh diệt, chỉ bày ngay lúc sinh diệt có lý Vô sinh.

1) Nêu lên giải thích rộng, có ba ý:

a) Hỏi đáp về lúc đầu thấy sông Hằng.

Phật bảo! Nay Đại Vương! lúc mấy tuổi Ngài thấy sông Hằng?

Vua đáp: Lúc ba tuổi con được mẹ dẫn đến yết kiến thần Kỳ-bà có đi qua sông này, nên lúc ấy con đã thấy có sông Hằng.

Kỳ-bà: Hán dịch là Mạng, phong tục ở Tây Vực đều thờ thần Trường Thọ thiên. Đưa con sinh ra được ba tuổi phải yết kiến thần miếu này, tạ lễ điều mình mong cầu đã được. Đây là dùng năm để hỏi về cái thấy, ý nói thay đổi từng năm mà cái thấy không thay đổi.

b) Hỏi đáp thấy sông Hằng đồng hay khác:

Phật bảo này Đại Vương! Như lời ông nói lúc hai mươi tuổi già hơn lúc mười tuổi, cho đến sáu mươi hai tuổi. Ngày giờ, năm tháng niệm niệm đổi dời, thì khi lúc ông ba tuổi đã thấy sông Hằng này, đến lúc mười ba tuổi thì Ngài thấy sông ấy thế nào?

Vua đáp: Giống như lúc ba tuổi rõ ràng không khác, đến lúc sáu mươi hai tuổi cũng không khác: Nói không khác thật khéo suy nghĩ, một là đi đến thô phù, hai là suy nghĩ có ý chỉ.

c) Hỏi đáp thấy có già trẻ:

Phật bảo: nay Ngài tóc bạc mặt nhăn, mặt Ngài chắc chắn nhăn hơn lúc trẻ, nay Ngài thấy sông Hằng này và cái thấy sông Hằng lúc trẻ, cái thấy đó có già trẻ hay không?

Vua đáp: Bạch Đức Thế tôn! Cái thấy đó không có già trẻ, sắc thân tướng thô già trẻ dễ biết. Còn tánh thấy không đổi dời thật khó biết rõ. Ở đây đối với sự biện luận khác này giúp cho ngộ được Vô sinh. (tám trăm bốn mươi lăm)

2) Chỉ bày tánh thường còn phân tích điều nghi:

Phật bảo này Đại Vương! Mặt ông tuy nhăn mà cái thấy ấy không

hề nhãn: Nhãn là thay đổi, không nhãn là không thay đổi. Biến là thọ diệt, cái bất biến kia vốn không sinh diệt, thì làm sao nói ở trong đó chịu cái sinh tử của ông, đây là chỉ rõ tánh thường.

Sinh diệt là pháp hữu vi thay đổi, vô vi thì không bị sinh tử. Nếu biết không biến diệt tức là thấy Vô sinh mà dặt dắn ngoại đạo Mạt-già-lê v.v... kia, đều nói thân này sau khi chết là hoàn toàn diệt, tức là bác bỏ điều nghi kia. Mạt-già-lê là tự, tên mẹ là Câu-xa-lê, ở đây chỉ cho khác với điều mà vua Ba-tư-nặc dẫn, ngoại đạo đều hướng về.

Sắc thân biến đổi có thể nói là vô thường, tánh thấy không dời đổi lý chẳng đoạn diệt.

3) Tin ngộ có đời sau:

Vua nghe lời này, tin biết khi xả thân này rồi còn có thân sau. Vua và các đại chúng vui mừng được điều chưa từng có là trình bày sự giác ngộ cạn, chỉ nói xả thân này có thân khác, hỏi vấn ý sâu xa kia ắt biết cái diệt vốn không thật diệt, tùy nghi lãnh giải, chủ bạn đồng nhất, chưa phải hiển lời.

4) Chánh đối A-nan phá chấp thường, có hai ý:

a) A-nan thừa trái nêu câu hỏi:

A-nan đứng dậy khỏi chỗ ngồi, lễ dưới chân Phật, chấp tay quỳ thẳng bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn, nếu cái thấy nghe này không sinh diệt, sao Thế tôn nói chúng con mất chân tánh, làm việc điên đảo. Mong Thế tôn từ bi rửa sạch bụi nhơ cho con. Ý theo cái thấy sông Hằng và cái thấy nghe của con không khác, đối với Vua thì nói bất diệt bất sinh, đối với con thì nói mất chân tánh, Vua và con ai thân ai sơ?

Nếu khác đường làm sao phân biệt, nhưng ý câu hỏi này xưa nay đã lâu, ban đầu do tay tự xòe nắm, cái thấy không có xòe nắm, đầu tự dao động, cái thấy không dao động, mỗi việc ấn khả Đức Phật đều nói như thế. Đây là Như Lai làm cho đối với cái thấy vọng được cái thấy đúng, không lìa sinh diệt mà có cái bất sinh diệt. A-nan không biết ý chỉ của Phật. Giống như nói sinh diệt khác với bất sinh diệt, bèn chấp tay lễ Phật mong được nghe Như Lai hiển bày hai tánh thân tâm chân vọng hư thật, hiện tiền sinh diệt và không sinh diệt. Vua Ba-tư-nặc biết hoài bão ấy mà không phát ý hỏi lại, dẫn việc sáu vị giáo chủ ngoại đạo chấp thân sau khi chết là đoạn diệt. Điều mà mong Phật đích thân chỉ bày chính là chân vọng. Trách dẫn A-nan không chấp cả hai khác nhau. A-nan là cổ Phật, chẳng lẽ nay không liễu ngộ, vì ngày nay hoặc nặng tình sâu, phải chỉ bày cho họ đích xác về sự tranh luận, cho nên nay hỏi.

b) Như Lai nghiệm phá tình chấp, có ba ý.

Nghiệm ra khỏi chấp tình, có hai ý:

Duỗi tay để hỏi, dẫn ra khỏi thường tình, có bốn ý: b.1.1.1) Hỏi:
Đức Như Lai liền duỗi cánh tay màu vàng chỉ xuống đất, hỏi A-nan: nay ông thấy cánh tay Mẫu-Đa-la của Như Lai là xuôi hay ngược?

Hạ chỉ: Là tay chỉ xuống.

Mẫu-Đa-La, Hán dịch là ấn, ý này muốn nói cái thấy cánh tay không đồng với có xuôi có ngược, để so sánh cái thấy ấy cũng có xuôi ngược.

Đáp: A-nan thưa! Chúng sinh ở thế gian này cho như thế là ngược, còn con thì không biết thế nào là ngược, thế nào là xuôi:

Đây là suy ra người thế gian cho như thế là ngược, còn con thì không biết ra sao.

Bác bỏ: Phật bảo A-nan! Người thế gian cho như thế là ngược thì họ cho như thế nào mới là xuôi: Nếu rũ tay xuống cho là ngược thì cho như thế nào mới là xuôi:

Giải thích: A-nan thưa: Thế tôn đưa cánh tay lên năm ngón chỉ thẳng lên hư không thì gọi là Xuôi.

Đưa tay lên cho là ngược, ngược lại là xuôi, vì không thuận theo thân. Đây là A-nan không giải thích được chân vọng, chấp vọng mất chân. Cho nên Như Lai trách là hành sự điên đảo, đã hiểu rõ vọng vốn không có tự thể, thì biết chân tự vắng lặng, bèn theo cái thấy đầu dao động và tánh thấy sông Hằng tức là tánh chân, là không khác chân.

A-nan vẫn không hiểu rõ, cho ngoài vọng có chân, bèn không cho ta là người điên đảo, Vua là tánh vô sinh, A-nan đã trình bày tranh hỏi. Như Lai lấy việc để nghiệm, cảnh nghịch thuận không giải thích được thì tình điên đảo khó thoát, vẫn dưới là bác bỏ.

b.1.2) Đưa cánh tay lên để nêu cái thấy điên đảo

Phật liền đưa cánh tay lên rồi bảo A-nan rằng: Cũng cánh tay này không khác, chẳng qua chỉ đổi đầu làm đuôi, đổi đuôi làm đầu mà thôi, thế mà người thế gian đều cho rằng đưa tay lên là xuôi: Phật bèn đưa cánh tay lên, theo đó mà trách như thế này là ngược, thế này là xuôi, ngón tay rũ xuống, nay lại đưa lên cho nên nói đổi đầu làm đuôi, đổi đuôi làm đầu. Người thế gian không y theo bốn phạm cho xuôi là xuôi, mà sinh ra cái thấy khác, cho ngược là xuôi, cho nên nói đều xem nhìn.

Cho nên so sánh phát minh thân ông và pháp thân thanh tịnh của Như Lai thì thân Như Lai gọi là Chánh Biến Tri, còn thân các ông gọi

là tánh điên đảo.

Nếu dùng điều này để nghiệm thì biết so sánh hiển rõ, thân Phật là xuôi, thân ông là ngược, cũng có thể nếu dùng cái thấy tay của thân Phật để nói lên thân Phật thì biết thân Phật gọi là Chánh Biến Tri. Nếu so cái thấy tay ông với thân ông thì biết rõ thân ông gọi là tánh điên đảo, ông đâu chẳng phải là hành sự điên đảo ư? Chánh Biến Tri: Là đảo gọi là chánh, cùng tận pháp giới gọi là Biến. Phạm phu, Nhị thừa không có tên gọi này, cho nên đều điên đảo.

Nêu chỗ điên đảo, có hai ý: b.2.1)

Nêu chỗ điên đảo:

Tùy ông quán cho kỹ, thân ông và thân Phật gọi là điên đảo, vậy danh tự ở đâu mà gọi là điên đảo. Tùy là tùy theo.

Tùy trong tâm ông quán sát kỹ càng, nếu Phật là điên đảo thì ông hãy nói thân Phật điên đảo chỗ nào? Nếu ông là điên đảo thì ông cho thân ông điên đảo ở chỗ nào?

Đây là làm cho A-nan biết được chỗ điên đảo.

Danh tự: Giống như nói danh mục.

Người xưa ở đây mà hiểu được tướng, bèn cho là kinh ở dưới giải thích điên đảo, mạch máu không thông, trở thành cô khởi. Đã bật ngược xuôi thì vì sao Như Lai lại nói điên đảo. Xin người học xem xét kỹ, nếu không thì chẳng thấy sự vẽ vang của người xưa.

b.2.2) Trình bày về sự không biết.

Bấy giờ, A-nan và đại chúng nhìn Phật sững sốt, mắt không hề nháy, vì không biết thân tâm điên đảo ở chỗ nào: là nhìn thẳng như là mê mờ không hiểu rõ, nghe bác bỏ chỗ điên đảo lại mịt mờ không hiểu, không đặt một lời, chỉ biết nhìn thẳng Đức Phật.

Mở rộng tướng điên đảo: có hai ý.

Phát khởi lòng từ để nói về điều thường nói:

Phật khởi lòng từ bi thương xót A-nan và đại chúng, phát ra tiếng nói như sóng biển bảo khắp trong hội rằng: Nay các thiện nam! Ta thường nói rằng các duyên sắc tâm và tâm sở sai sử các pháp sở duyên, chỉ do tâm hiện, trống trời vô tư, tùy người phát tiếng, sóng biển không có ý niệm, phải không mất thời: Đây là nói lên từ bi vô duyên ứng cơ mà nói không đờn thính.

Sắc có mười một thứ, Tâm là tám thức lâm Vương, các duyên là chỉ chung cho sắc và tâm, hoặc có thể chỉ riêng cho pháp bất tương ứng hành. Tâm sở là năm mươi mốt món tâm sở. Các pháp sở duyên là sáu pháp vô vi. Trên đây năm vị, một trăm pháp gồm nhiếp hết các pháp,

đều là chỗ hiện khởi của chân tâm (tám trăm bốn mươi sáu), như gương hiện hình, không thể lia gương mà có được tự thể.

Hỏi: Năm vô vi trước danh và thể đều là giả, có thể đồng với pháp trước, vô thể như hình với bóng. Chân như vô vi, danh giả mà thể thật, là tánh của các pháp, sao lại nói vô thể như là hình bóng?

Đáp: Tông này nói chân như dường như là đối vọng mà lập. Đã do đối đãi lại thành pháp vọng, như ở dưới kinh nói: Nói vọng hiển bày các chân, vọng chân cả hai đồng là vọng. Lại nói vô vi vô sinh diệt, không thật như hoa đốm.

Kinh Viên Giác nói: Viên giác lưu xuất ra tất cả chân như thanh tịnh, Bồ-đề Niết-bàn. Do năm vị này mà các pháp từ tâm hiện khởi, đều đồng là hình bóng.

Bày chân bỏ vọng, phân tách điên đảo, có hai ý: b.3.2.1)
Y theo pháp mà giải thích mê tình, có năm ý.

- *Nêu ý chỉ.*

Thân tâm ông đều là vật do diệu tâm chân tinh diệu minh hiện ra: tâm hiện thân tâm hiện thân tâm, như gương hiện vật, Vật không phải gương. Vì thể của vật là hư giả, gương không phải vật, vì thể của gương là thật. Hư thật đã giải thích, do đó điên đảo ngay đây có thể biết.

- *Trách lỗi:*

Vì sao các thầy lại bỏ bản thể chân tâm, các thầy vẫn ở trong cái ngộ mà lại ôm lấy cái mê, tức tâm là tánh, vì thể trùm khắp cho nên tròn đầy, vì không mờ cho nên sáng. Vì Pháp đáng trong nên gọi là báu. Xưa nay tự như vậy, chẳng phải thích hợp với ngày nay, cho nên nói “Vốn”, đường nói năng đứt, chỗ tâm hành bật, cho nên nói là Diệu, hai, ba lần khen ngợi cho nên nói lập lại. Ngộ là giác, là tánh tròn sáng, mê là bất giác, là thân tâm vọng. Bất giác ở ngay trong giác như hình ở trong gương, hư thật có thể phân biệt, nay bỏ đi bốn tánh như gương, chấp thân tâm tự hình, không phân biệt được hư thật. Đây là sự mất đi chân tâm lớn lao. Cho nên nói nhận cái ngộ trong mê. Trước nói danh tự ở đâu mà gọi là điên đảo, nay chính là chỉ chỗ điên đảo này.

- *Trình bày vọng:*

Mê mờ là không, trong hư không mờ tối, kết tối thành sắc, sắc xen lẫn với vọng tưởng. Tướng của tướng là thân nhóm duyên ở bên trong cho nên dao động, rong ruổi bên ngoài, thể của vô minh đen tối, cho nên nói mờ ám. Bên trong có vô minh, bên ngoài hiện tướng không, nên nói là không. Đây là kiếp trước đầu tiên. Văn ở dưới nói: Mê vọng có hư không. Lại nói: Ông thấy hư không khắp các thế giới ở mười phương,

hư không và cái thấy chẳng phân biệt, có không vô thể, có thấy không giác, dệt nhau vọng thành. Lớp thứ nhất gọi là kiếp trước.

Trong ba tế này, hai tướng nghiệp và chuyển cũng gọi là đồng khác, cũng gọi là động tĩnh. Do động tĩnh này mà đối đãi nhau trong hai tướng đen tối này, kết thành hình sắc, tức là căn thân và khí giới. Hình sắc đã hiện thì tướng ở trong đó. Sắc tướng lẫn lộn, chỗ có hay biết thì thành căn thân, chỗ tướng lắng đọng thì thành khí giới, đây chính là hiện tướng thứ ba. Vì có cảnh giới duyên nên sinh khởi thức thô, niệm niệm phân biệt nối nhau không dứt cho nên nói nhóm duyên bên trong, lay động ở đây chỉ cho hai thô trước. Do niệm nối nhau huân tập không dứt, nên thành chia lìa. Chấp chặt tướng sáu trần trôi lăn các cõi không dứt cho nên nói rong ruổi hưởng theo bên ngoài, hai tướng thô này phân ly thức, từ phá đến chấp trước ba tế, bốn thô là đường phiền não đều ở đây.

- *Nói về chấp:*

Tướng mờ tối cho là tâm tánh, lấy mê làm tâm, chắc chắn hoặc ở bên trong sắc thân.

Người thế gian không biết vốn là vô minh chuyển dần đến thô động, rồi cho tướng mờ tối này là tâm tánh chân thật. Chạy theo mê chấp quyết định sửa đổi, cho là tâm tà ở trong sắc thân bèn khởi lên sự khác nhau về hữu tình vô tình, có tánh không tánh, cho tâm vọng làm tâm Phật, thật là nông nổi.

- *Kết mê.*

Không biết thân này, tâm này, cho đến núi sông thế giới và hư không đều là vật từ chân tâm hiện ra.

Hạt giống căn thân thuộc về bên trong, duyên mà chấp thọ, núi sông đất đai thuộc về bên ngoài. Nhưng duyên không phải là chấp thọ. Ba cảnh này đều là tướng phần của A-lại-da. Lại không giới này từ mê vọng sinh ra, do thức biến hiện, thức năng biến hoàn toàn là vô minh, mê chân mà khởi, cũng không có tự thể, năng biến sở biến đều do gương tâm hiện ra hình bóng. Cho nên văn trước nói. Thân tâm ông đều là vật do chân tâm hiện ra, không biết lý này lại chấp tâm mình ở trong sắc thân, cho nên ở đây chỉ bày.

b.3.2.2) Y theo để kết luận chỉ ra tướng diên đảo:

Ví như bỏ trăm ngàn biển lớn trong xanh mà cho rằng một hòn bọt là toàn thể của biển.

Như Lai tạng có bốn nghĩa cho nên dùng biển để dụ cho dứt hẳn trăm phi như biển rất sâu, bao gồm muôn hữu như biển rộng lớn, chẳng

đức nào không đầy đủ như châu báu ở dưới biển, chẳng có pháp nào không hiện như biển hiện bóng. Thể ấy vắng lặng không tương ứng với vọng nhiễm. Cho nên nói trong xanh tức là nghĩa rất sâu ở trước mắt.

Trăm ngàn nghĩa là rộng lớn, không biết thể vốn thanh tịnh cho nên nói bỏ biển lớn, chỉ lấy tướng tối tăm nhiều động làm tâm tánh. Cho nên nói chỉ nhận v.v... toàn triều, Đại luy. Bọt giải là tên riêng khác của biển, Các ông là người trong mê, như ta rũ tay xuống không khác. Như Lai nói về thương xót A-nan và đại chúng tức là kết chỉ ở trước. Bỏ biển lớn chính là bội mê, nhận bọt biển là tội mê. Rũ tay là xuôi, chấp là ngược, là một mê. Đưa tay lên là ngược, cho rằng xuôi là bội mê. Trước nêu sự để nghiệm, sau dẫn dụ để so sánh. Ở giữa dùng pháp tiến thối so sánh nhau. Xuôi chỉ tướng ngược, rõ ràng sao gọi là tướng lẫn lộn? Người có trí xin hiểu rõ.

Rộng y theo duyên trần để nói lên cái thấy chân chánh, vì trong văn trước. Ý theo tay mà thấy sông, chỉ rõ cái thấy vô sinh, tướng cạn mà ý sâu, như thành ẩn mật, chưa hiển rõ thì không gọi là hiển chánh, cho nên khoa nói luận thô dần sáng. Nay dưới đây đối khắp duyên trần, dứt trừ danh tướng, hiển tánh thấy này không rơi vào nói lời vô nghĩa. Sau đó theo đoạn mà hội thông, làm cho biết các pháp luống dối vốn là không chỉ có một Bồ-đề diệu tịnh minh thể, phân minh rõ ràng. Cho nên nói chính là hiển bày cái thấy chân chánh.

Văn có bốn ý:

1. Nói lên duyên tâm chẳng phải tánh, có hai ý là:

A-nan thuật ngộ và bày nghi:

a) Thuật ngộ.

A-nan nương lòng từ bi chỉ dạy của Phật, rơi lệ chấp tay bạch Phật rằng: Con tuy nương lời nói nhiệm mầu ấy của Phật, ngộ tâm diệu minh vốn là tâm thường trụ trọn đầy, nhân Phật chỉ rõ điên đảo, hiển bày chân tâm, đối với ngôn âm năng thuyên ngộ được tâm địa sở thuyên.

b) Bày nghi.

Nhưng con ngộ pháp âm của Phật hiện nói, hiện để duyên tâm, gọi là chiêm ngưỡng. Đã được tâm này cũng chưa dám nhận là tâm địa bốn nguyên. Mong Phật thương xót chỉ dạy viên âm, để giúp con dứt nghi, trở về với đạo vô thượng. Phật dùng lời nói để nói chân tánh này. Nay con lãnh giải lại là duyên tâm sở ngộ chân tánh. Sở ngộ là chân tánh, năng ngộ là duyên tâm, lại đồng với Như Lai trước đã quở trách. Như ông ngày nay được nghe pháp của ta, đó chính là do âm thanh mà có phân biệt, có phân biệt gì? Do đó chưa dám cho là bốn nguyên tâm

địa, tâm năng sinh có nghĩa là đáng nương tựa nên dụ như đất.

Nói viên âm: vì mỗi lời nói của Phật trùm khắp các thế giới chúng sinh, nhưng âm vận ấy thường không lẫn lộn, như sơ giải Luận Khởi Tín có nói.

2. Như Lai y theo dụ để giải thích rõ, có hai ý:

1) Chỉ định chỗ sai.

Phật bảo A-nan! Nếu các ông còn dùng duyên tâm để nghe pháp, thì pháp này cũng thành duyên, không thể nghe được pháp tánh. (tám trăm bốn mươi bảy) do âm thanh mà có phân biệt, tánh phân biệt này là sinh diệt.

Kinh Duy-ma nói: Không dùng tâm hành sinh diệt để nói pháp thật tướng, nói đã không thể được, thì nghe đâu thể được?

Tâm duyên: Chỉ cho duyên theo lời nói, văn tự cho nên nói không được pháp tánh. Nếu không để tâm vào việc gì, thâm hợp với đạo, là tướng năng sở, một niệm bất sinh, dứt được mé trước sau, đó gọi là thật đắc pháp tánh

2) Dụ để hiển rõ chỗ sai, có hai ý:

a) Chấp ngón tay quên mặt trăng, phân tách nhân năng thuyên, có hai ý:

Dụ, có hai:

Ngón tay và mặt trăng đều mê:

Như người dùng tay chỉ mặt trăng cho người thấy, người kia nhờ ngón tay mà nhìn thấy được mặt trăng, nếu nhìn ngón tay cho là thể của mặt trăng thì người này chẳng những quên mất trăng mà cũng mất luôn ngón tay, vì sao? Vì nêu ngón tay là mặt trăng. Ngón tay dụ cho ngôn giáo năng thuyên, mặt trăng dụ cho chân lý sở thuyên.

Nếu muốn thấy mặt trăng thì phải quên ngón tay để nhìn mặt trăng. Nếu muốn thấy tánh phải quên lời nói và thể của nó. Nếu không quên lời thì đâu thể thấy tánh, không thể quên ngón tay thì đâu biết được một trăng?

Kinh Viên Giác nói: Tu-đa-la giáo như ngón tay chỉ mặt trăng, Nếu lại thấy trăng, biết rõ chỗ nêu rất ráo chẳng phải mặt trăng. Các thứ lời nói của tất cả Như Lai chỉ dạy cho Bồ-tát cũng thế, ngón tay và mặt trăng đều mê, chỉ rõ cả hai đều sai, trong văn kinh rất dễ thấy.

Sáng tối đều mất:

Chẳng những mất ngón tay, mà còn không biết sáng và tối. Vì sao? Vì dùng thể của ngón tay làm tánh sáng của mặt trăng, vì hai tánh sáng và tối đều không liễu rõ, cho nên ngôn giáo thuộc về hữu vi. Vì

vô ký cho nên tối, chân lý thuộc về vô vi, vì tánh thiện cho nên sáng, ví dụ, rất dễ hiểu.

a.2) Hợp:

Ông cũng như thế, là pháp hợp dụ như giải thích ở trên.

b) Khách đi chủ ở lại, trách dính mắc vào duyên tưởng, có hai ý.

b.1) Y theo pháp dụ thuận suy có tự thể, có ba ý:

Pháp:

Nếu lấy phân biệt pháp âm ta nói do làm tâm ông thì tâm này tự nó nên lia âm phân biệt mà có tánh phân biệt, hay là do pháp Phật nói mà sinh tâm phân biệt? Tâm phân biệt này vốn không có tự tánh cho nên thuộc về duyên trần. Tùy theo trần có hay không, chẳng phải thường trụ, chỉ như khách.

Dụ:

Thí như có người khách ngủ tạm ở quán trọ, tạm dừng rồi đi, không phải ở luôn, vì chủ quán không có đi đâu, gọi chủ quán ở đây là nói tâm duyên tùy cảnh qua lại, chân tâm vắng lặng, thường trụ, khách dụ cho vọng, chủ dụ cho chân.

Hợp:

Ở đây cũng thế, nếu thật là tâm ông thì không hề đi đâu như ở kinh dưới nói: Tiếng vô đã không diệt, tiếng hữu cũng chẳng sinh, sinh diệt cả hai đều lia, chính là thường chân thật.

b.2) Y theo duyên trần, lại trách vô tánh, có ba ý:

b.2.1) Ví dụ thành vô tánh:

Vì sao nói lia tiếng thì không có tánh phân biệt, điều này chẳng những đối với tiếng mà có tâm phân biệt, phân biệt ngã dung, lia các sắc tướng không có tánh phân biệt, tâm duyên nếu là chân tánh lẽ ra như chủ, đâu được theo tiếng có đến đi. Vì khi lia tiếng không phân biệt, đâu đồng với chân tâm trùm khắp pháp giới vắng lặng thường trụ.

Tâm tùy theo tiếng đã như vậy thì tâm tùy theo sắc cũng như vậy, cho nên nói chẳng những.

b.2.2) Chỉ ra đồng với ngoại tông:

Như thế cho đến phân biệt đều không: Trước nêu sắc thanh hiển bày tâm vô thể, cũng hợp với hương vị xúc pháp, nay ở đây vượt qua, cho nên nói cho đến phân biệt đều không.

Phi sắc phi không, câu-xá-ly v.v... lấy mờ mịt làm Minh đế, vì không thể thấy cho nên chẳng phải sắc, vì duyên hội thì có cho nên chẳng phải không.

Nói Minh đế: Hoặc nói minh tánh, hoặc nói tự tánh, tiếng Phạm

của mình để là Tăng-già-Xà-tát-đát-la, Hán dịch là Số luận, lập hai mươi lăm đế, đế thứ nhất là Minh tánh, chấp cho là Thường, đế thứ hai mươi lăm gọi là Thần ngã. Cũng chấp là thường, ngã suy nghĩ thảng cảnh tốt đẹp. Minh tánh là biến hai mươi ba đế thành ngã thọ dụng. Ngã đã thọ bị cảnh ràng buộc, không được giải thoát. Ngã nếu không suy nghĩ thì Minh đế bất biến. Đã không ràng buộc ngã tức là giải thoát gọi là Niết-bàn, như chỗ khác nói.

Câu-Xá-Lê: chẳng phải tức Số luận, là loại kia hưởng đến mà nêu.

Kết trách chẳng phải chủ:

Lìa các duyên pháp, không có tánh phân biệt, thì tâm tánh của ông đều có chỗ trả về. Thế nào là Chủ? Chân tâm là chủ, vọng tưởng là khách. Khách có đến đi, chủ không dời đổi. Nếu lìa duyên pháp không có tánh phân biệt thì nói lên tâm tánh của ông theo trần mà trả về, đó là khách, đâu gọi là Chủ.

2. Nói thấy tánh không có chỗ trả về, có hai ý:

1. A-nan nương theo trước trình bày về nạn:

A-nan thưa! Nếu tâm tánh của con có chỗ trả về thì nguyên tâm diệu minh mà Như Lai nói sao không trả về. Mong Như Lai rủ lòng thương xót chỉ bày cho con: Nói về tâm tánh là có cả chân và vọng. Điều A-nan chấp là vọng, điều Như Lai chỉ bày là chân. Nay vì chấp vào sinh diệt, nghi vào sự chỉ bày diệu minh, cho nên nói Như Lai nói làm sao không trả về, trả về có nghĩa là diệt.

2. Như Lai giải thích theo tướng có ba:

a) Y theo quyền nêu ngón tay để hứa nói.

Phật bảo A-nan! Lại ông thấy ta, kiến tinh minh nguyên.

“Lại” là từ ngữ quyền nghi. Quyền chỉ cho tâm thấy được của A-nan, là nguyên minh. Cái thấy này tuy không phải diệu tinh minh tâm như mặt trăng thứ hai không phải là bóng trăng, Ông hãy lắng nghe nay Như Lai sẽ chỉ bày cho ông cái không thể trả về.

Nguyên minh này chẳng phải là chân tánh sẵn có, điều đó giống như mặt trăng do ấn con mắt mà thấy. Vốn không thật có. Chẳng phải bóng trăng là chẳng phải bóng trăng đáy nước. Bóng trăng đáy nước từ trăng thật mà hiện xuống, có thể dụ cho diệu ứng cảm mà lại thông, ấn mắt nhìn thấy toàn thể là luống dối, từ mắt bệnh mà sinh ra, dụ cho vọng thấy vốn chẳng thật có. Chỉ y theo quyền kiến này mà chỉ dạy cái không thể trả về.

b) Y theo cảnh có chỗ trả về giải thích rõ, có hai ý:

1. Nói cảnh có thể trả về, có hai ý:

1. Tám cảnh:

A-nan! Đại giảng đường này mở rộng, cửa về phương Đông, mặt trời lên cao thì có ánh sáng, nửa đêm mặt trăng tối, sương mù bao phủ thì lại tối om, nơi ngách cửa thì lại thấy thông, giữa tường vách thì lại thấy bí, chỗ phân biệt thì lại thấy duyên. Trong cái không ngơ khắp là tánh không, hình uất kết thì uất kết ở các trần mờ tối. Mưa tạnh đều là khí lại quán thanh tịnh, là nêu sáng tối, thông bí này không có tám tướng nhiễm tịnh, đều nương vào nhân duyên để lập nên tướng ấy.

2. Nói đều có chỗ trả về:

A-nan! Ông đều thấy các tướng biến hóa này, nay ta đều đem các vật này cái nào trả về cho nhân gốc cái ấy. Thế nào là nhân gốc? A-nan các vật biến hóa này, cái sáng trở về cho mặt trời, vì sao? Vì không có mặt trời thì không sáng, cái sáng thuộc về mặt trời, bởi vậy nó được trả về cho mặt trời, cái tối trở về với trăng tối, (tám trăm bốn mươi tám) thông trở về với cửa, bí trả về cho tường vách, duyên trả về cho phân biệt, không ngơ trả về với không, uất kết trả về với trần, trong sáng trả về với mưa tạnh, tất cả các vật trong thế gian không ngoài tám thứ này. Tám cảnh này đã từ duyên mà có, lại từ duyên mà không, có đi có đến, chẳng đồng với cái thấy chân chánh.

Chỉ bày cái thấy không có chỗ trả về, có ba ý:

1. Nêu lên:

Ông thấy tám thứ, còn kiến tịnh minh tánh ông muốn trả nói về chỗ nào? Có thể quán cái thấy tám thứ gọi là kiến tịnh minh tánh, đã chẳng phải duyên sinh thì trả về chỗ nào? Đâu đồng với tám cảnh, mỗi cảnh đều có chỗ trở về.

Giải thích: Vì sao? Nếu trả về cho sáng thì khi không sáng sẽ chẳng thấy tối. Tuy sáng tối v.v... các thứ khác nhau nhưng cái thấy không có khác nhau: Cái thấy chân chánh là duyên, duyên trả về, cái thấy thì còn, nếu theo cảnh mà đi thì sau đó ai là người quán. Cảnh tự có khác nhau, cái thấy thì không khác.

3. Kết luận:

Những thứ có thể trả về tự nhiên chẳng phải là ông, còn cái chẳng thể trả về chẳng phải ông thì là ai. Tám cảnh có thể trả về, tự chẳng phải là cái thấy của ông, tánh không thể trả về của ông chính là chân tánh của ông. Đây nếu không phải chân thì cái gì là chân ư?

3. Y thao thật nói về mê để kết trách:

Cho nên biết tâm ông vốn là diệu minh tịnh, vì ông tự mê muội

làm mất bốn chân phải chịu luân hồi trong sinh tử, thường bị nổi trôi. Bởi vậy Như Lai nói là đúng thương xót: đem tám cảnh trước để đối vọng thấy quyền, chỉ bày chỗ bất diệt. Do đó nên biết bốn diệu minh tâm không hề sinh diệt, vốn có chân tánh, mê mà không biết. Lại chấp duyên trần tự chuốc lấy trôi lăn.

Như văn trước nói: Do ông từ vô thủy đến nay nhận bọn cướp làm con, mà mất đi cái vốn thường, cho nên chịu trôi lăn. Nhưng tuy quyền chỉ, nhưng ý chính là hiển, vì ngọn không lìa gốc.

3. Lại y theo thể dụng để nói lại, có hai ý:

1) Hỏi lại lần nữa:

A-nan thưa: Bạch Đức Thế tôn! con tuy biết tánh thấy này không chỗ trả về nhưng làm sao biết được là chân tánh của con?

Ý A-nan hỏi: Đối với tám cảnh trước quyền chỉ vọng thấy có nghĩa không trả về, do đây biết được tánh chân nguyên sẵn có, bất sinh bất diệt, lại chỉ có điều này nói lên biết có tánh thường, hay là nghĩa có diệt, riêng được chân vọng, cho nên nói: Làm sao được biết v.v... ở dưới lại y theo dụng có hơn kém thể không khác nhau. Dụng y theo người để giải thích, thể đối với vật mà nói. Đây là lần lượt dùng ba nghĩa để giải thích chân. Một là nói lên cái bất sinh diệt, hai là nói có thắng dụng, ba là chỉ bày cái không phân biệt. Bởi vậy giải thích và đáp điều này chia làm hai khoa.

2) Y theo dụng hơn kém để nói lược:

Phật bảo A-nan! nay ta hỏi ông: nay ông chưa được quả vô lậu thanh tịnh, nương oai thần Phật thấy Sơ thiên không hề chướng ngại: chứng được Sơ quả mới dứt phân biệt cho nên nói chưa được vô lậu. Tự không có định lực, nhờ vào người khác mà thấy, cho nên nói nhờ thần lực Phật. Nhờ thông khiến được thấy, ý muốn A-nan tin biết chính mình thấy cái dụng chân chánh có như thế, đứng đầu cõi Sắc là Phạm chúng, Phạm Phụ, Đại phạm đều gọi là Sơ thiên.

Nhưng A-na-luật, thấy cõi Diêm-phù-đề như thấy trái am-ma-la trong lòng bàn tay.

A-na-luật: Hán dịch là Như ý, cũng gọi là Vô Bản. Ở thời quá khứ Ngài đã cúng dường cơm cho vị Bích-Chi-phật nên trong chín mươi một kiếp được sinh lên cõi trời thọ vui như ý, không hề thiếu thốn. Khi chưa vào đạo, vì tánh thích ngủ nhiều, ngài bị Phật quả trách, do đó Ngài không ngủ, nên bị mù mắt. Phật dạy tu thiên nhãn để thấy việc thế gian. Nhờ đó mà tu đắc, thấy cõi Tam Thiên như thấy trái am-ma-la trong lòng bàn tay. Đại Luận nói bậc Đại A-la-hán thấy Tiểu thiên giới, Đại

Bích-Chi-Phật thấy trăm cõi Phật, Chư Phật thấy tất cả cõi Phật. Riêng Na-luật chỉ thấy cõi Đại thiên vì Ngài khắp tu tác ý thiên nhãn bậc nhất trong hàng Thanh Văn.

Nay nói Diêm-phù: Vì các cõi Đại Thiên đều có Diêm-phù, vì nói lên riêng chung đều không trái nhau.

Các Bồ-tát trăm ngàn cõi, bậc Sơ Địa thấy trăm cõi Phật, bậc Nhị địa thấy ngàn thế giới cho đến bậc Thập Địa thấy vô lượng không thể nói cõi Phật số cát bụi thế giới.

Các Đức Như Lai mười phương cùng tận các cõi nước nhiều như cát bụi thanh tịnh, chẳng có nơi nào không nhìn thấy.

Phật có đủ năm thứ mắt và ba thứ trí, thấy cùng tận pháp giới, bốn vị kể trên giai cấp thì thấy được, nhưng sâu cạn khác nhau, vì dụng của cái thấy chân chánh tùy theo chỗ chứng đắc rõ và dần dần xa lìa.

Chúng sinh thấy không quá phân tác, cách tờ giấy thì không thể thấy vật ở bên kia, cách da lông thì không thấy năm tạng, đâu đồng với dụng về cái thấy chân chánh của các bậc Thánh trước. Đây là thấy chân thấy vọng lần lượt có năm lớp, rõ ràng có thể giải thích mà nói sao biết được chân tánh con, sao không quán sát?

4. Y theo thể phi vật để giải thích rộng, có hai ý:

1. Giải thích thể cái thấy chẳng phải vật, có ba ý:

a) Nêu trần:

A-nan! Ta và ông quán thấy cung điện của bốn vị vua trời ở trong đó thấy khắp thủy, lục, không hành.

Tuy có tối sáng các thứ hình tượng nhưng đều là phân biệt tiền trần còn lưu lại.

Phân biệt tức là khác nhau.

Hoặc có thể trần trước mặt trở ngại tức là cảnh phân biệt.

b) Khuyên chọn lựa:

Ông nên ở ngay đây để phân biệt mình và người. Đây là nêu để khuyên. Ông nên ở ngay đây tức là đối với cảnh sở duyên, thử chia ra mình người làm cho khác nhau. Tự là tánh thấy, tha là vật tượng.

Nay ta nói ông phân biệt trong cái thấy, cái nào là thể của ta, cái nào là vật tượng.

Bảo tức là thỉnh, thùy là cái nào.

Nay ta bảo ông đối với cái thấy rõ ràng mà chọn lựa, cái nào là thể cái thấy của ông, cái nào là vật tượng. Đây là khuyên chọn lựa.

c) Chính là giải thích, có hai ý:

5. Nói vật chẳng phải cái thấy là tiền trần.

A-nan! Cùng cực cái thấy của ông từ cung mặt trời, mặt trăng, là vật chẳng phải ông, cho đến bảy lớp núi vàng quán rõ khắp, tuy các thứ ánh sáng cũng là vật chẳng phải ông. Dần dần lại quán mây trôi chim bay gió động, bụi bay cây cối, núi sông hoa lá, người, súc vật đều là vật chẳng phải ông, cực là cùng là nghiên cứu tánh thấy của ông, từ xa đến gần, thấy cái gì đều là vật tượng, chẳng phải là tánh thấy của ông, giới là cỏ nhỏ.

Nói cái thấy không phải vật là chân tánh.

A-nan! Tất cả các cảnh vật tuy có xa gần, cao thấp, các tánh vật tuy lại có ngàn sai muôn khác, đồng với sở thuộc về tánh thấy thanh tịnh của ông. Thì các loài vật tự có khác nhau nhưng tánh thấy của ông thì không khác. Tinh diệu minh này là tánh thấy của ông, vật loại tuy khác, nhưng tánh thì thường nhất, không theo cảnh khác, tức là chân tâm của ông, đây chính là cái thấy chân chánh bình đẳng không khác nhau. Trước kia ông hỏi rằng:

Làm sao biết được chân tánh của ông: Nay nói cảnh tự khác nhau, mà tánh thấy không khác, bởi vậy biết được chân tánh của ông.

Rộng phá tính chấp xoay vần, có hai ý:

1. Phá thầy trò năng kiến duyên lẫn nhau, có hai ý:

a) Chính là phá:

Nếu cái thấy là vật thì ông cũng thấy được cái thấy của Như Lai. Nếu ông chấp vào lời nói thì ông sẽ thấy tâm đồng với vật bị thấy cũng có khác nhau: Đây chính là cái thấy tức là vật, tánh thấy của Phật cũng phải là vật, nên bị ông thấy.

b) Chuyển phá:

Nếu đồng với cái thấy gọi là thấy ta, khi ta không thấy sao chẳng thấy chỗ không thấy của ta (tám trăm bốn mươi chín) ông chấp vào lời nói. Khi con và Thế tôn đồng duyên với vật, cái thấy của Thế tôn: đã dính mắc vào vật kia. Khi con thấy vật chính là thấy cái thấy của Thế tôn. Vẫn trong kinh lược bớt chỉ nói thấy ta, đây là nhắc lại sở chấp, tức là phá rằng: Khi ta không thấy sao chẳng thấy cái mà ta không thấy. Ý nói khi ta không duyên với vật kia thì gọi là không thấy, đây là thể không thấy, lẽ ra ông phải thấy sao lại không thấy?

Nếu thấy chỗ không thấy thì tự nhiên chẳng phải là tướng không thấy kia. Đây là bác bỏ chuyển chấp, nếu ông chấp vào lời nói con cũng thấy cái thể không thấy của Phật thì có lỗi gì? Cho nên nói thấy cái không thấy. Tức là bác bỏ rằng tự nhiên chẳng phải là tướng của cái không thấy kia, ý nói thể của không thấy đã bị thấy.

3. Kết thúc bác bỏ:

Nếu không thấy chỗ không thấy của ta thì tự nhiên chẳng phải vật, sao nói chẳng phải ông.

Ý của văn này kết dần dần trả về, đều có năm lớp hợp, nói: Nếu không thấy chỗ không thấy của ta, thì cũng không thấy chỗ thấy của ta. Đã không thấy chỗ thấy của ta thì cái thấy của ta tự nhiên chẳng phải vật. Cái thấy của ta nếu chẳng phải vật thì cái thấy của ông cũng chẳng phải vật, sao nói chẳng phải cái thấy chân chánh của ông.

2. *Phá tâm cảnh lại quán tạp loạn, có ba ý:*

a) chính là bác bỏ:

Lại nay khi ông thấy vật, ông đã thấy vật, vật cũng thấy ông, thể tánh lộn xộn, thì ông cùng ta và tất cả chúng sinh trong thế gian không thành an lập.

Lại nếu ông chấp tánh thấy là vật, và vật kia cũng thấy ông như thế thì khi ông thấy vật, vật cũng thấy ông, thế thì người và vật làm sao phân biệt được? thể của vật và tánh thấy tự nhiên lộn xộn, vật chính là ông, ông tức là vật. Tất cả muôn vật trong thế gian đều không thành lập thì sao gọi là an lập?

b) Nói lên tánh thấy:

A-nan! Nếu khi ông thấy tức là ông, chẳng phải là ta, nhưng tánh thấy ấy bao trùm khắp nơi chẳng phải ông thì là ai?

Nếu khi ông thấy vật, phân biệt rõ ràng.

A-nan chẳng phải Phật, Phật cũng không phải A-nan: Chính là tất cả muôn vật trong thế gian tự nhiên an lập, đều là tánh thấy của ông biết rõ cùng khắp.

Tánh biết cùng khắp này nếu chẳng phải là chân tâm của ông thì là gì? Cho nên kết luận rằng chẳng phải ông thì là ai?

c) Bác bỏ điều nghi:

Vì sao tự nghi chân tánh của ông, tánh ông không chân mà chấp vào ta để cầu thật: Trách không chấp nhận, đây là chân tánh của ông, tánh ấy đối với ông cho là tánh của tất cả tâm.

Trước đó nói thân tâm ông đều là vật ở trong diệu minh chân tinh diệu tâm, mà không tự biết, lại cầu người khác, đâu không mê mờ điên đảo hay sao? Đại ý này nói cái thấy chân chánh lìa duyên thì trùm khắp pháp giới, vắng lặng thường trụ, diệu dụng vô biên, bình đẳng thanh tịnh thể chẳng có khác nhau, giải thích văn trước rằng: Làm sao biết được chân tánh của con.

3. *Y theo nghi nạn mà giải thích rộng, có bốn ý:*

a) Nghi tánh thấy rút ngắn, có ba ý:

a.1) Nghi lần nữa:

A-nan bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Nếu tánh thấy này chắc chắn là con không khác thì con và Như Lai xem điện báu thắp tạng của bốn vị vua trời trụ ở cung Nhật Nguyệt, thì cái thấy này trùm khắp cõi Ta-bà, khi trở về tịnh xá chỉ thấy già-lam, tâm thanh tịnh ở cửa giảng đường thì thấy mái hiên, đây là tự trình bày thấy xa gần. Vì ở trước khai thị tuy hiển rõ là chân, đến quán xa gần đều nghi hối. Cung điện của bốn vị vua trời và mặt trời, mặt trăng ngang nhau, đều là bốn muôn do tuần.

Ta-bà Hán dịch là Kham Nhẫn, đều gọi là cõi Đại thiên, nay nêu chung bày riêng.

Tăng-già-lam-ma, Hán dịch là Chúng Viên.

Vũ: là dưới giảng đường.

Bạch Đức Thế tôn! Cái thấy này như thế, thể nó xưa này cùng khắp một cõi. Nay ở trong nhà chỉ đầy một nhà, là cái thấy này rút thành nhỏ, rút tường vách hẹp lại làm cho bị cắt đứt. Nay con không biết nghĩa ấy thế nào, mong Thế tôn từ bi giảng nói cho con được rõ.

Một cõi là tầng trời thứ nhất.

Một nhà là giảng đường.

Nhờ rằng lực mà thấy rộng, tự lực mình thì thấy hẹp. Rộng hẹp đã dính mắc, rút ngắn cắt đứt đáng nghi, vẫn còn do dự hoài nghi cho nên nói không biết nghĩa ấy thế nào, vì A-nan chưa chứng chân như, chưa phát chân dụng. Phật tùy theo tướng bên ngoài mà đối vật nói chân.

Đã chưa đích thân chứng cho nên khó lãnh hội.

Ý nghi này cũng y theo tướng bên ngoài để nói về cắt đứt, nương vào khởi nạn ở trước để gọi sạch tình chấp của chúng sinh.

Chính là bác bỏ có ba ý: a.2.1) Phân

tích chung về điều sai:

Phật bảo A-nan! Trong thế gian tất cả cảnh vật có lớn nhỏ, trong ngoài, tốt xấu v.v... đều thuộc về trần cảnh hiện tiền, chớ không phải cái thấy của ông có lớn nhỏ, tấp lại hay kéo dài ra.

Lớn nhỏ trong ngoài đối đãi giả lập đều thuộc về trần cảnh hiện tiền, thấy được chân tâm làm sao tấp lại hay kéo dài ra. Cho nên ở đây trách chung, làm cho biết được điều sai trái.

Nêu ví dụ giải thích nghĩa, có bốn ý: a.2.2.1)

Hỏi cả hai:

Thí như trong cái hộp vuông thì thấy hư không vuông. Ta lại hỏi

ông! trong cái hộp vuông này thấy hư không vuông la nhất định vuông hay là không nhất định vuông. Cái hộp dụ cho trần cảnh hiện tiền, hư không dụ cho tánh thấy. Cái vuông tròn của hư không dụ cho nghi cái thấy có tấp lại, có kéo dài ra.

Bác bỏ cả hai:

Nếu nhất định là vuông thì để vào cái chén tròn lẽ ra nó phải không tròn.

Nếu không nhất định vuông thì khi để vào cái hộp vuông nó phải không vuông. Hư không ở trong cái bình vuông nếu nhất định là vuông, đập vỡ cái bình vuông để vào cái bình tròn. Chỗ này hư lẽ ra không có tướng tròn. Nếu nói hư không chẳng nhất định vuông thì rõ ràng bình vuông chứ chẳng phải hư không vuông.

Hợp hiển:

Ông nói không biết nghĩa ấy thế nào: tánh nghĩa như thế, làm sao nói là ở đâu?

Ông nghi tánh thấy bị cắt đứt phải quyết định bởi một nghĩa. Nghĩa của tánh thấy giống như hư không, hư không đâu có vuông tròn mà có chỗ ở?

Đây là nói cái thấy chân thật cùng khắp không có nơi chốn, như hư không kia. Cho nên Kinh Niết-bàn nói: Pháp hữu thường trùm khắp mọi nơi vì hư không là thường cho nên chẳng nơi nào không trùm khắp.

Như Lai cũng vậy, trùm khắp tất cả mọi nơi cho nên là Thường, pháp vô thường đây có kia không, Như lai thì không như thế, cho nên là thường.

Hội giải thích:

A-nan! Nếu lại muốn làm cho nhập vào không vuông tròn thì chỉ cần đập vỡ cái hộp vuông, thể của hư không chẳng vuông, không nên nói đập bỏ tướng vuông của hư không để hiểu được.

Nếu muốn hiểu được nghĩa không vuông tròn chỉ cần đập vỡ sự vuông tròn của cái hộp chứ không thể đập vỡ hình dáng vuông tròn của hư không. Nếu muốn thông hiểu nghĩa không lớn nhỏ chỉ dứt bỏ trần cảnh lớn nhỏ, không thể nói tánh thấy có rộng hẹp.

Y theo nghi để nạn pha, có hai ý:

Nghi dùng kéo dài để bác bỏ rút ngắn:

Nếu ông hỏi khi vào nhà thì rút ngắn cái thấy làm cho nhỏ lại. Khi ngược lên nhìn mặt trời chẳng lẽ ông kéo cái thấy dài ra cho tới mặt trời. Nếu ông chấp vào lời nói rút ngắn cái thấy thành nhỏ, thì có thể kéo cái thấy cho dài ra đến mặt trời hay sao?

Diện là một bên.

Nghi dùng nối dài để bác bỏ cắt đứt:

Nếu khi vào nhà ông cho cái thấy bị cắt đứt, xuyên thành một lỗ nhỏ thì sao không có dấu nối, nghĩa này không đúng.

Đâu là cái lỗ, nếu chấp khiến cho cái thấy bị cắt đứt thì lẽ ra phải có nối dài làm cho cái thấy có dấu nối, nếu nối nhau thì lẽ ra có dấu nối.

Hội thông, có hai ý:

1. Mê tâm chấp cảnh: (tám trăm năm mươi)

Tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay quên mình theo vật, bỏ mất bản tâm bị vật xoay chuyển. Bởi vậy ở trong đó thấy có lớn nhỏ: quên chân tánh rồi thành vật có sắc tâm. Sắc tâm đã thành, chân tánh liền ẩn, cho nên nói mất bản tâm. Văn trước nói năng sinh ra các duyên, sở duyên mất, cảnh từ tâm biến hiện, tâm chuyển theo cảnh. Cho nên thấy lớn nhỏ khác nhau, trong ngoài khác nhau, không thể lia duyên quán tánh, chỉ biết sinh chấp theo cảnh, cho nên có các thứ nghi ngờ điên đảo ở trước.

2. Ngộ vật đồng chân:

Nếu chuyển được vật thì đồng với Như Lai, thân tâm tròn sáng, đạo tràng bất động, đầu sợi lông có thể chứa đựng khắp các cõi nước ở mười phương. Nếu hiểu rõ sắc tâm nhân duyên hòa hợp lưỡng đối mà có sinh khởi. Nhân duyên không lia lưỡng đối gọi là diệt, sinh diệt đến đi.

Như Lai tạng, sẵn có trong tánh chân thường mà tìm cầu đến đi, mê ngộ sinh tử thì hoàn toàn không thật có. Đây là nói vọng chỉ có chân, không có vật để chuyển là chuyển vật, chân thật, trái trần hợp giác, đồng với chư Phật.

Thân tâm tròn sáng, Thân tròn sáng thì đầu sợi lông hiện được cõi nước. Tâm tròn sáng thì soi chiếu khắp pháp giới, đây chính là ngộ vật đều là chân thì thành diệu dụng. Cho nên văn dưới nói: Ta vì không sinh không diệt hợp với Như Lai tạng, mà Như Lai tạng chỉ là diệu giác tròn sáng chiếu soi pháp giới. Bởi vậy ở trong đó một là vô lượng. Cho đến ngồi trong hạt bụi mà xoay bánh xe đại pháp v.v... Xong các văn trên điều y theo đối cảnh để giải thích cái thấy, hiển rõ cái bất sinh diệt như bàn tay xòe nắm, thân thay đổi vật khác nhau của vật mà giải thích tướng thô, thậm bày sinh diệt tức không sinh diệt, còn thấy cảnh bên ngoài là pháp sinh diệt, nay hội thông điều này làm cho rõ tâm và cảnh đều do mê mà thành, không có một pháp ngoài tâm để đối nhau,

thì các pháp đều như, các trần đều khắp, rõ ràng hiển bày làm cho ngộ bốn chân đồng với Như Lai.

Văn dưới dù có phá các nghi hỏi, mỗi nghi hỏi tùy theo văn hội thông đều là ý này.

Phá nghi “tánh thấy lìa thân”:

Nghi này, do ở trước Phật bảo chuyển được vật thì đồng Như Lai thân tâm tròn sáng, không hội thông rõ yếu chỉ muôn pháp bèn cho là Như Lai, làm cho chuyển vật hiện tiền thành cái thấy chân thật của ta.

Nếu vật là cái thấy thì tánh thấy này lìa thân mà có, cho nên thành cái nghi này.

Văn có ba ý:

1. Lại nghi, có ba ý:

1. Nghi:

A-nan bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! nếu cái thấy này chắc chắn là tánh nhiệm mầu của con, nay tánh nhiệm mầu này hiện ở trước con, cái thấy chắc chắn là chân tâm của con, nay thân tâm con là vật gì? Nếu vật này ở trong kiến tinh thì chắc chắn là tánh chân thật của con, rõ ràng tánh này đang ở trước mắt con, đã lìa thể của con. Cái thấy trước mắt này đã là chân ngã, nay thân tâm không phải là con, thì là vật gì?

2. Hỏi vặn:

Mà nay thân tâm phân biệt là có thật, cái thấy kia không có phân biệt riêng về thân con, nếu thật là tâm con thì làm cho thấy, cái thấy thật là con mà thân chẳng phải con. Nếu dùng lý mà suy thì nay thân tâm này phải thật có phân biệt, duyên theo cảnh giới, cái thấy ở trước mắt kia lại không biết phân biệt đối với thân con.

Cái thấy kia nếu thật là chân tâm của con thì khiến cho con thấy. Kia đã thật là con thì con lẽ ra chẳng phải là con.

3. Kết thúc:

Đâu khác Như Lai trước đó hỏi vặn rằng, vật có thể thấy ta, cúi mong Như Lai từ bi khai phát cho người chưa ngộ, dù cho cái thấy kia có khả năng phân biệt thì đâu khác trước đó hỏi ông đã thấy vật, vật cũng thấy ông, thì các thế gian không thành an lập.

2. Phá rộng có ba ý:

1. Như Lai bác bỏ nghi, có ba ý:

a) Nêu chỗ sai lầm.

Phật bảo A-nan! Nay ông nói cái thấy ở trước ông, nghĩa này không đúng.

Trước nói các pháp đều do tâm, cho nên nói nếu chuyển được vật,

không hiểu rõ ý này vọng cho rằng cái thấy ở trước mắt, tuy lời hình thành nhưng thật không có việc này.

b) Nhắc lại nghi để lập lý:

Nếu thật ở trước ông mà ông thật thấy, thì cái thấy này đã có nơi chốn, chẳng phải không chỉ bày ra được, dù cho trước mắt thấy được thì lẽ ra có nơi chốn để chỉ ra, đâu thành cái thấy chân thật lia danh bật tướng.

c) Y theo lý chánh bác bỏ, có hai ý:

Y theo lia vật để suy ra cái thấy này, có ba ý:

Nêu ra thể, có bốn ý:

- *Dạy quán vật tượng:*

Lại, nay ta và ông ngồi trong rừng Kỳ-đà thấy khắp rừng rậm và các điện đường, trên đến trời trắng, trước mặt đối diện sông Hằng. Nay ông ở trước tòa sư tử của ta đưa tay chỉ từng món, chỗ im mát kia là rừng, chỗ sáng nọ là mặt trời, chỗ ngăn ngại này là vách, chỗ trống là hư không. Như thế dù cho cỏ cây hoa lá, lớn nhỏ tuy khác. Nhưng đều có hình tướng để chỉ ra được cả.

Vật tượng khác nhau, lớn nhỏ tuy khác, hình tướng đã chia ra phải quy về ngón tay chỉ.

- *Khuyến chỉ tánh thấy.*

Nếu cái thấy đó hiện ở trước mặt ông, ông nên dùng tay chỉ cho xác thật, cái nào là cái thấy: Nếu tánh thấy ở trước mắt ông thì đồng với vật tượng, hãy chỉ ra tánh thấy như thế nào.

- *Dùng lý để nêu lên.*

A-nan! nên biết, nếu hư không là cái thấy, đã thành cái thấy thì làm sao là hư không? Nếu vật là cái thấy, đã là cái thấy thì làm sao là vật? Các vật tượng tuy khác nhau mà chẳng lia có không, cho nên dùng hai việc để giải thích cái thấy này.

- *Khiến cho chỉ rõ:*

Đối với các cảnh vật sum la, muôn tượng ông nên chín chắn phân biệt rõ ràng chỉ cho ta xem, đồng với các vật kia phân tích không mê hoặc.

Phi là mở, bác là tách, tích là chia chẻ, vật tượng trước mắt bao la đều thấy, phải ở chỗ này phân tách phân biệt làm cho cái thấy này xuất hiện rõ ràng. Như các vật tượng không bị mê loạn.

Đáp giải thích không có khả năng có hai ý:

- *Thuật rồi không có khả năng:*

A-nan thưa! nay con ở trong giảng đường lầu gác này, xa đến sông

Hằng, trên thì thấy trời trắng, đưa tay để chỉ, dùng mắt để thấy, ngón tay đều là vật chẳng phải cái thấy. Mắt nhìn ngón tay chỉ là thấy duyên trần, đối với các vật không giải thích được cái thấy này.

- *Dẫn cái khác để so sánh:*

Bạch Đức Thế tôn! Như lời Phật nói so với các Thanh Văn mới học hữu lậu như con đây, cho đến các Bồ-tát cũng không có khả năng ở trước muôn cảnh tượng phân tách cái thấy, lia tất cả vật thì không có tự tánh. Nếu Phật nói chỉ ra cái kiến tịnh rõ ràng không mê hoặc, cho đến Đại Bồ-tát chứng chân cũng không thể đối với các vật tượng mà phân ra cái thấy ấy, huống chi chúng con là Thanh Văn mới học ư?

Ấn thành khó phân ra:

Phật nói: Đúng thế! Đúng thế! Ấn ấy không thể phân ra tánh thấy.

Y theo tức vật để bác bỏ chẳng phải cái thấy, có bốn ý:

Nhắc lại trước là không đúng:

Phật lại bảo A-nan! Như lời ông nói không có cái kiến tịnh lia tất cả vật có tự tánh riêng; cho nên trong các vật mà ông chỉ ra không phải cái thấy. Đã không thể đối với cảnh vật mà biện ra tánh thấy. Đây là cái chỉ ra đều là vật, không phải cái thấy này. Đã không phải cái thấy tức là chẳng thấy, cho nên ở dưới nêu ra.

Nêu cái hữu này là sai:

Nay ta lại bảo ông, ông và Như Lai ngồi trong rừng Kỳ đà, thấy vườn rừng cho đến (tám trăm năm mươi một) các thứ, cảnh tượng khác nhau như trời trắng v.v... chắc chắn là không có cái kiến tịnh được ông chỉ ra, ông lại phát minh, trong các vật này cái gì không phải tánh thấy, nếu hiểu rõ duy chân, lại không phải thấy, chẳng thấy. Vì không hiểu rõ cho nên tùy lời nói mà sinh chấp. Còn nêu lên câu hỏi không biết từ đâu, xuống đến hội thông sẽ thấy rõ ràng.

Đáp giải thích không biết.

A-nan thưa! Bạch Đức Thế tôn! con thật thấy khắp rừng Kỳ-đà này, nhưng con không biết trong đó cái nào chẳng phải cái thấy, vì sao? Vì nếu rừng cây kia không phải cái thấy thì làm sao thấy được rừng cây, nếu rừng cây kia là cái thấy thì sao gọi là rừng cây, như thế cho đến nếu hư không chẳng phải cái thấy thì sao nói là thấy hư không? Nếu hư không là cái thấy thì sao gọi là hư không? Con lại suy nghĩ trong muôn tượng sum la này phát minh vi tế thì cái nào cũng là cái “thấy” cả. Trước đáp không biết, dưới giải thích lý do không biết. Nếu rừng cây không phải cái thấy, vì sao gọi là thấy cây? Lại nếu rừng cây này là cái

thấy thì vì sao gọi là rừng cây? Hư không co sánh với giải thích lìa này nó đã không thể, được tức lại khó rõ, tiến lùi nghiên cứu chưa biết chỗ thích hợp.

Ấn thành khó hiểu:

Phật bảo A-nan! Đúng thế! Đúng thế! Đúng như ông giải thích cái nào cũng là cái thấy cả, về đúng như vậy cho nên nói đúng thế.

Đại chúng hoang mang:

Bấy giờ, trong đại chúng những người không phải là bậc Vô học nghe Phật nói lời này hoang mang không biết nghĩa này ngã ngữ ra sao: hễ sợ hãi thì hoang mang.

Hoang mang: Là mờ mịt không sáng suốt, nghĩa của cái thấy này đã mất, chẳng có lý cái thấy lại trái ngược, đầu cuối khó rõ. Quy về đầu mà không biết cái năng thấy, sở duyên đều là tướng mịt nhạt, đúng sai liền lìa, đều là duyên trần, tuệ của pháp không chưa mở, mê hoặc trí chướng khó phá, do đó những vị chưa phải là bậc Vô học nhất thời hoang mang.

Đấng Pháp Vương an ủi tâm ý:

Như Lai biết tâm niệm của A-nan và đại chúng hoang mang nên sinh tâm thương xót, an ủi A-nan và đại chúng: Này các thiện nam! Đấng Pháp Vương vô thượng là Đấng Chân Thật Ngũ. Lời Như Lai nói không dối, không vọng, không phải bốn thứ luận nghị không ngã ngữ của Mạt-già-lê. Ông hãy suy nghĩ kỹ, chớ có xao động tâm tư.

Tập: Là sợ.

Vua thế gian còn không nói hai lời, huống chi là vua Pháp, đích thân chứng đắc mà nói, nên gọi là lời Như Lai nói.

Phật nói có năm thứ ngữ: Chân ngữ, thật ngữ, như ngữ, Bất cưỡng ngữ, và bất dị ngữ. Không lường dối gọi là Chân, xứng lý gọi là Thật, bất biến gọi là Như, tâm cảnh tương ứng gọi là bất cưỡng, cái thấy xa chưa được như vậy gọi là bất dị. Bất thời, biết cơ ứng căn mà nói, đều đồng với luận thuyết kkk ngả ngữ của ngoại đạo.

Câu bốn thứ luận thuyết không ngả ngữ sẽ giải thích:

Ý này phải làm rõ, đúng sai đều lìa, tâm cảnh đều dung thông, nói lên thể chân diệu không có lời nói vô nghĩa. Cho nên bảo suy nghĩ cho kỹ, không phải ý hời hợt.

Hội thông, có hai ý:

1. Văn-thù đứng bên vì đại chúng thưa hỏi, có ba ý:

a) Nói về chưa ngộ.

Bấy giờ, Pháp Vương Tử Văn-thù-sư-lợi thương xót bốn chúng ở

trong đại chúng liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi đánh lễ dưới chân Phật, chắp tay cung kính bạch Phật rằng, Bạch Đức Thế tôn! Các đại chúng này chưa ngộ được lời Như Lai phát minh hai thứ kiến tinh sắc không là cái thấy hay chẳng phải cái thấy, đại chúng hoang mang không biết ra sao. Tuy nghe Đức Như Lai an ủi, bảo suy nghĩ cho kỹ. Nhưng trí tuệ không sáng suốt, nên chưa hiểu được câu hỏi. Văn-thù là bậc trí đức nên phụ phát cơ.

Trước nói chưa ngộ, sau mới thỉnh chỉ dạy. Nói hai thứ là đối với sắc không nói về hai nghĩa kiến tinh có phải cái thấy hay không phải cái thấy.

b) Nêu lý do:

Bạch Đức Thế tôn! Các cảnh tượng sắc không duyên trước mặt, này nếu là cái thấy thì phải chỉ ra được. Nếu không phải cái thấy thì không thể thấy được. Mà nay không biết nghĩa này thế nào, cho nên mới sợ hãi. Không phải là ngày xưa gốc lành kém cỏi, tự là đúng sai khó rõ, chẳng phải nói gốc lành ít ỏi cho nên sợ hãi.

Trù tích: Tức là ngày xưa.

c) Vì đại chúng thưa hỏi:

Mong Đức Như Lai đại từ phát minh các cảnh vật này và kiến tịnh này vốn là vật gì? Trong đây không có cái phải và cái không phải.

A-nan trước đó nói chẳng phải là cái thấy, chẳng phải không có cái thấy. Như Lai ẩn khả từng thứ ý muốn đối với pháp giới chân thật đạt được chẳng phải cái thấy, cũng chẳng phải không là cái thấy.

Cho đến hoang mang sợ hãi, lại đặng ông suy nghĩ cho kỹ. Điều này Như Lai muốn làm cho liễu ngộ pháp giới là Nhất tướng.

Văn-thù-sư-lợi thương xót đại chúng, xin Phật chỉ rõ cái thấy này và duyên vốn là vật gì, chẳng phải cái thấy, cũng chẳng phải không phải cái thấy.

2. Như Lai hội thông cho, có ba ý:

a) Nói các pháp đều là chân thật, đúng sai đều dứt bật.

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi và các đại chúng, các Đức Như Lai và Đại Bồ-tát mười phương an trụ trong Tam-ma-đề, định tự tại tức là Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm các pháp như huyễn, pháp giới nhất tướng.

Luận Khởi Tín nói: “Chư Phật đã lia nghiệp thức, không có cái thấy về tướng mình và người. Bạc Đăng Địa trở lên chứng được từng phần pháp này. Cũng như cái thấy của Phật, cái thấy và duyên thấy đều là tướng bị tướng. Cái thấy là thể của thức. Duyên thấy tức là căn, là duyên Tăng thượng, vì có công năng sinh ra thức nên tướng của cái

bị tướng tức là cảnh, là duyên sở duyên.

Vì lời kéo sinh ra thức cho nên văn dưới nói: Tướng của tướng là thức tình của trần cảnh thuộc về cấu, hoặc có thể cái thấy là căn, duyên thấy là cảnh. Tướng bị tướng là thức. Căn cảnh và thức này là mười tám giới, nhiếp hết tất cả. Tức là pháp do nhân duyên sinh trong bốn câu của Ngài Long Thọ là.

Như hoa đốm trong hư không vốn không thật có: Căn, cảnh và thức này từ vọng tâm mà có, thể của nó vốn không. Như hoa đốm trong hư không: Là khi bị nhắm mắt cho nên thấy.

Văn dưới nói: Thấy nghe như mắt nhắm. Vì ba cõi như hoa đốm trong hư không, đây chính là ta nói tức là không. Cái thấy và duyên này như hoa đốm trong hư không, vốn không có tự thể. Trong thế tục để gọi là căn cảnh, cũng gọi là Giả danh. Vốn là Bồ-đề diệu tịnh minh thể, vì sao ở trong đó có phải cái thấy, không phải cái thấy.

Các Pháp vô thể, vì bất giác cho nên có: Bất giác tức là giác, vốn là Bồ-đề.

Luận Khởi Tín nói: Niệm không có tự tướng, không lia bốn giác, nếu lia tánh giác thì không có bất giác.

Ở dưới kinh cũng nói: Cái thấy và duyên thấy giống như cảnh hiện tiền vốn là giác minh của ta, cũng là nghĩa Trung đạo.

Trước đó, Văn-thù hỏi các vật tượng này và kiến tinh này vốn là vật gì. Cho nên Phật đáp: Vốn là Bồ-đề diệu tịnh minh thể. Đây là nói nhất chân pháp giới lia tánh lia tướng, thu nhiếp hết các pháp, thấy đều như thế, sao lại nói là cái thấy, không phải cái thấy, tức là gọi trừ duyên trần xưa nay để giải thích cái thấy, hoặc là cái thấy, hoặc là trần, tướng của cái thấy, của không phải cái thấy.

Nếu không dùng Tam-muội để gọi trừ làm sao khế hợp với Nhất như cho nên Ngài Tịnh Danh dứt lời, ý là như thế.

b) Dẫn ý Ngài Văn-thù làm ví dụ hai tướng vốn không, Có ba:

b.1) Dẫn dụ, có hai ý:

Hỏi: Phật hỏi Ngài Văn-thù! Thì còn có Văn-thù Văn-thù, vậy có thể nói Ông thật là Văn-thù, nay không phải Văn-thù hay không? Ý Phật hỏi rằng: Như Ông là Văn-thù là một thể tánh. Ta muốn ngay đây lại đặt tên là Văn-thù. Lại muốn (tám trăm năm mươi hai) ngay đây đặt một tên gọi là Văn-thù, đã được rồi không. Ý nói về một chân thể, không đặt tên, không lập vô tướng, đúng đối với sai để lập, vô đối với có mà gọi.

Cái thấy đúng sai, có không, nói lời vô nghĩa đâu hội nhất chân.

Trước y theo quán môn, không có tướng đúng sai, chỉ có chứng mới biết được. Nếu không chỉ ra việc để làm sáng tỏ thì chưa chứng làm sao lãnh hội. Cho nên nhờ Ngài Văn-thù để nói về Nhất tướng.

Đáp: Đúng thế! Bạch Đức Thế tôn, chính con là Văn-thù, thì không thể nói thật là Văn-thù được, vì sao? Vì nếu có thật Văn-thù thì có hai Văn-thù. Nhưng con ngày nay là Văn-thù rồi thì không thể nói hai tướng thật hay không được.

1) Trước đáp

không phải, nếu lập là x tức x đối với tướng không mà có, cho nên nói là hai Văn-thù.

Kế đáp là chẳng phải không, nếu lập là không thì thành đoạn diệt, lấy gì gọi là chính thể của Văn-thù, nhưng đối với chân thể không có phải hay không phải. Cũng có thể nói chân, thể hoàn toàn không, cái thấy và duyên thấy cũng thế, vì đồng là nhất chân nên không có hai tướng.

2) Hợp hiển:

Phật bảo: cái thấy diệu minh này và các trần cảnh cũng thế, vốn là chân tâm diệu minh vô thượng Bồ-đề tràn đầy, vọng thành sắc không và sự thấy nghe.

Cái thấy này và duyên đều do vọng tâm phân biệt mà có, sao nói là phải mà lại lập sai. Nếu hiểu rõ một tướng của pháp giới đều là nhất như thì đồng với Văn-thù không có sự đúng sai. Cho nên nói cũng thế.

3) Ví dụ lại:

Như mặt trăng thứ hai, cái gì là mặt trăng, cái gì không phải mặt trăng.

Văn-thù: chỉ có một mặt trăng, trong đó không có cái phải mặt trăng hay không phải mặt trăng, vốn chỉ là một mặt trăng, không hề có hai. Người bị bệnh không rõ thì hai tướng bỗng sinh. Đã biết mặt trăng thứ hai không có tự thể, thể thì muốn gọi cái nào là phải mặt trăng, cái nào không phải mặt trăng.

Chỉ vọng bày chân, kết thành được mắt.

Cho nên, nay ông xem cái thấy và trần phát minh muôn thứ, gọi là vọng tướng, không thể đối với các đó sinh ra phải hay không phải. Bởi vậy do tính chân diệu giác minh tánh nên làm cho ông sinh ra ngón tay hay không phải ngón tay. Nếu còn vọng tướng thì tâm cảnh khó thoát. Cho nên không thể sinh ra tướng phải hay không phải. Nếu một niệm không sinh thì dứt bờ mé trước sau, chỉ có một diệu giác vắng lặng cùng khắp, ở trong đó không có tướng phải hay không phải, chỉ thì thấy,

không chỉ thì không thấy, chỉ có vẫn thay đổi.

Nhưng Pháp sư Văn Tự khó khăn về chương cú hoàn toàn không thể thông một tướng một vị, không ai chẳng đưa nhau chấp vào hoa đốm trong hư không, rồi chạy theo hai mặt trăng, tìm cầu mối lạ. Kia và ta cách nhau như trời với vực, nếu trong bất cứ lúc nào cũng không khởi vọng niệm thì đối với tâm vọng cũng không dứt diệt. Sống trong cảnh vọng tưởng không hề biết rõ, đối với không hề hiểu rõ không giải thích chân thật. Đó là thuận theo giác tánh, vì sao nói có tướng phải hay không phải ở đây?

